

Công ty Cổ phần Licogi 16

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



Công ty Cổ phần Licogi 16

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 45

Công ty Cổ phần Licogi 16

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103004836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2005, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là LCG theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch
Ông Budiman Satrio Sudono	Thành viên
Bà Đinh Thị Hiền	Thành viên
Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên
Ông Lê Vũ Nam	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tăng Quốc Thuộc	Tổng Giám đốc	
Ông Phí Ngọc Anh	Giám đốc Xây dựng	
Bà Đinh Thị Hiền	Giám đốc Tài chính	
Ông Nguyễn Tâm Hòa	Giám đốc Kinh tế Kế hoạch	bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2018
Ông Hoàng Minh Khai	Giám đốc Bất động sản	
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Giám đốc Xây dựng	từ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Dương Hùng.

Ông Tăng Quốc Thuộc được ông Bùi Dương Hùng ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 theo Giấy Ủy quyền Số 39/UQ-LICOGI16-PL ngày 22 tháng 7 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Licogi 16

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") trình bày báo cáo này liên quan đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đề ngày 28 tháng 8 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc:



Tăng Quốc Thuộc
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2018

Số tham chiếu: 60992762/20263833/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Licogi 16

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 28 tháng 8 năm 2018 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 0426-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.238.588.862.453	2.171.071.343.707
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	274.392.909.399	550.441.675.920
111	1. Tiền		179.392.909.399	250.441.675.920
112	2. Các khoản tương đương tiền		95.000.000.000	300.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		27.000.000.000	27.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	27.000.000.000	27.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.343.265.791.890	1.300.555.465.894
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	685.078.505.562	504.534.740.157
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	335.822.619.595	395.124.648.711
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		3.136.418.391	3.136.418.391
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	350.422.175.607	425.140.736.850
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(31.193.927.265)	(27.381.078.215)
140	IV. Hàng tồn kho	9	541.470.133.493	268.838.489.157
141	1. Hàng tồn kho		541.470.133.493	268.838.489.157
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		52.460.027.671	24.235.712.736
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		833.922.385	1.469.268.627
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		51.626.105.286	22.766.444.109

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.559.071.497.726	1.296.482.687.267
220	I. Tài sản cố định		325.101.100.886	232.719.470.235
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	305.654.351.331	222.996.129.455
222	Nguyên giá		390.963.248.581	288.986.247.217
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(85.308.897.250)	(65.990.117.762)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	16.371.804.096	6.049.293.999
225	Nguyên giá		17.650.553.109	6.241.674.374
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.278.749.013)	(192.380.375)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	3.074.945.459	3.674.046.781
228	Nguyên giá		9.665.060.000	9.665.060.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.590.114.541)	(5.991.013.219)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		72.901.822.580	95.153.992.125
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	72.901.822.580	95.153.992.125
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	14	1.158.654.282.313	967.978.351.829
251	1. Đầu tư vào công ty con		405.107.791.911	395.131.861.427
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		379.248.674.660	199.248.674.660
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		473.147.030.000	472.447.030.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(123.508.733.758)	(123.508.733.758)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		24.659.519.500	24.659.519.500
260	IV. Tài sản dài hạn khác		2.414.291.947	630.873.078
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		2.414.291.947	630.873.078
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.797.660.360.179	3.467.554.030.974

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.472.543.179.711	2.395.583.371.670
310	I. Nợ ngắn hạn		2.327.849.644.565	2.266.459.735.450
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	487.441.717.697	529.798.758.187
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	932.500.560.019	886.354.880.217
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	3.379.744.520	13.208.152.118
314	4. Phải trả người lao động		7.008.528.475	4.988.970.855
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	82.594.975.636	112.482.950.239
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	105.761.626.353	246.112.946.121
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	702.768.203.402	466.446.320.841
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.394.288.463	7.066.756.872
330	II. Nợ dài hạn		144.693.535.146	129.123.636.220
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	11.365.443.351	11.365.443.351
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	131.834.840.295	115.576.091.869
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		1.493.251.500	2.182.101.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.325.117.180.468	1.071.970.659.304
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.325.117.180.468	1.071.970.659.304
411	1. Vốn cổ phần		1.000.000.000.000	780.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.000.000.000.000	780.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		93.686.603.494	93.686.603.494
415	3. Cổ phiếu quỹ		(3.380.000)	(3.380.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		119.204.302.363	119.204.302.363
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		112.229.654.611	79.083.133.447
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		74.399.460.344	40.558.361.579
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		37.830.194.267	38.524.771.868
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.797.660.360.179	3.467.554.030.974






Đỗ Văn Hương Nguyễn Văn Việt Đinh Thị Hiền Trương Quốc Thuộc
 Người lập Kế toán trưởng Giám đốc Tài chính Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	707.990.054.280	209.520.220.359
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(644.271.756.684)	(183.321.742.136)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		63.718.297.596	26.198.478.223
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	30.557.314.758	12.131.189.828
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(26.087.005.395) (24.994.942.066)	(16.998.939.035) (16.839.531.734)
25	6. Chi phí bán hàng		-	(3.106.938.043)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(30.578.241.190)	(15.571.938.243)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		37.610.365.769	2.651.852.730
31	9. Thu nhập khác		2.366.097.844	2.192.067.470
32	10. Chi phí khác		(539.084.923)	(1.825.132.629)
40	11. Lợi nhuận khác		1.827.012.921	366.934.841
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		39.437.378.690	3.018.787.571
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(1.607.184.423)	-
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		37.830.194.267	3.018.787.571



Đỗ Văn Hương
Người lập



Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng

Đinh Thị Hiền
Giám đốc Tài chính



Tăng Quốc Thuộc
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		39.437.378.690	3.018.787.571
	Lợi nhuận trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11, 12	21.391.067.630	12.193.551.330
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		3.123.999.550	(6.913.959.518)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.092.063.329	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(30.611.596.576)	(7.111.259.994)
06	Chi phí lãi vay	24	24.994.942.066	16.839.531.734
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		63.026.349.152	18.026.651.123
09	Tăng các khoản phải thu		(161.238.665.709)	(40.205.104.080)
10	Tăng hàng tồn kho		(272.631.644.336)	(90.775.606.666)
11	Giảm các khoản phải trả		(40.637.087.313)	(34.125.172.504)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(1.148.072.627)	11.870.948.583
14	Tiền lãi vay đã trả		(20.914.661.374)	(16.563.134.204)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.100.440.631)	(4.861.238.898)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.356.141.512)	(3.054.197.813)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(449.000.364.350)	(159.686.854.459)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(80.111.650.001)	(51.326.899.285)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		68.181.818	552.850.000
23	Tiền chi cho vay		-	(20.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		-	56.800.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(214.975.930.484)	(133.753.735.050)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		140.004.000.000	133.558.590.909
27	Tiền thu lãi cho vay và cổ tức được chia		7.295.244.244	2.687.094.555
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(147.720.154.423)	(11.482.098.871)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		79.500.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	20	713.382.032.607	429.913.676.483
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	20	(469.628.016.777)	(270.415.429.985)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	20	(2.582.263.578)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		320.671.752.252	159.498.246.498

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
50	Giảm tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(276.048.766.521)	(11.670.706.832)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		550.441.675.920	150.992.439.456
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	274.392.909.399	139.321.732.624



Đỗ Văn Hương
Người lập



Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng



Đinh Thị Hiền
Giám đốc Tài chính




Tăng Quốc Thuộc
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103004836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2005, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch là LCG theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 377 (Ngày 31 tháng 12 năm 2017: 304).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đề ngày 28 tháng 8 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Bất động sản tồn kho

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Hàng tồn kho khác (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ theo phương pháp bình quân gia quyền.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	4 – 8 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 7 năm
Phần mềm máy tính	8 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày đầu tư được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trên hóa đơn.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tiền mặt	409.371.730	132.627.266
Tiền gửi ngân hàng	178.983.537.669	109.730.282.857
Tiền gửi tại tài khoản phong tỏa	-	140.578.765.797
Các khoản tương đương tiền (*)	95.000.000.000	300.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>274.392.909.399</u>	<u>550.441.675.920</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi từ 4,3% ~ 4,4%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Khoản này thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ ba (3) đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 5,1% ~ 5,9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu từ khách hàng	353.923.539.369	295.654.315.213
- Công ty Cổ phần Licogi 13	70.069.254.051	48.239.591.366
- Công ty Cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà	69.342.347.406	-
- Tổng Công ty Licogi - Công ty Cổ phần	31.310.063.872	31.310.063.872
- Các khách hàng khác	183.201.874.040	216.104.659.975
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 27)	<u>331.154.966.193</u>	<u>208.880.424.944</u>
TỔNG CỘNG	685.078.505.562	504.534.740.157
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(31.193.927.265)</u>	<u>(27.381.078.215)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	653.884.578.297	477.153.661.942

Một phần khoản phải thu của khách hàng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 20.1).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Số đầu kỳ	27.381.078.215	26.102.149.083
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	4.812.849.050	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>(1.000.000.000)</u>	<u>(1.712.305.981)</u>
Số cuối kỳ	<u>31.193.927.265</u>	<u>24.389.843.102</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Trả trước cho người bán	250.612.156.845	334.122.432.163
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Quốc tế	66.900.000.000	66.900.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Kỹ thuật Việt	24.822.535.286	11.654.036.529
- Tổng Công ty Licogi - Công ty Cổ phần	16.147.880.000	16.147.880.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Kỹ thuật Enviro	4.928.391.177	27.682.440.252
- Các nhà cung cấp khác	137.813.350.382	211.738.075.382
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 27)	<u>85.210.462.750</u>	<u>61.002.216.548</u>
TỔNG CỘNG	335.822.619.595	395.124.648.711

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tạm ứng (*)	144.812.931.039	186.190.917.375
Ký quỹ mở L/C, bảo lãnh thanh toán	109.178.979.564	16.673.783.299
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	43.068.000.000	83.068.000.000
Chi hộ	26.479.242.156	22.386.517.174
Phải thu về chuyển nhượng vốn	17.752.000.000	106.600.000.000
Phải thu lãi cho vay	5.664.020.058	6.271.849.544
Khác	3.467.002.790	3.949.669.458
TỔNG CỘNG	350.422.175.607	425.140.736.850
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên khác</i>	338.551.602.484	410.920.223.888
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	11.870.573.123	14.220.512.962

(*) Đây là khoản tạm ứng cán bộ nhân viên để tham gia thực hiện các dự án bất động sản và các dự án xây dựng.

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Các công trình xây dựng dở dang	214.136.369.564	106.307.276.160
Nguyên vật liệu	166.270.942.459	28.429.651.733
Bất động sản dở dang (*)	159.092.416.218	132.230.886.207
Hàng hóa bất động sản	1.082.515.506	1.082.515.506
Công cụ, dụng cụ	887.889.746	788.159.551
TỔNG CỘNG	541.470.133.493	268.838.489.157

(*) Chi tiết bất động sản dở dang được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha	96.168.991.264	88.197.851.740
Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha	35.136.543.950	35.136.543.950
Khu dân cư Bảo Lộc 17ha	27.786.881.004	8.896.490.517
TỔNG CỘNG	159.092.416.218	132.230.886.207

Giá trị các bất động sản dở dang này đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 20.1).

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	187.418.479.576	100.045.388.186	1.522.379.455	288.986.247.217
Mua trong kỳ	58.813.026.364	20.930.000.000	226.818.182	79.969.844.546
Chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	22.393.975.000	-	-	22.393.975.000
Thanh lý	(386.818.182)	-	-	(386.818.182)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	268.238.662.758	120.975.388.186	1.749.197.637	390.963.248.581
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	10.112.241.247	6.103.132.262	471.829.454	16.687.202.963
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	(38.274.903.050)	(26.518.534.164)	(1.196.680.548)	(65.990.117.762)
Khấu hao trong kỳ	(12.767.513.646)	(6.846.434.066)	(91.649.958)	(19.705.597.670)
Thanh lý	386.818.182	-	-	386.818.182
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	(50.655.598.514)	(33.364.968.230)	(1.288.330.506)	(85.308.897.250)
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	149.143.576.526	73.526.854.022	325.698.907	222.996.129.455
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	217.583.064.244	87.610.419.956	460.867.131	305.654.351.331
Trong đó:				
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 20.2)	161.541.300.778	61.247.971.974	-	222.789.272.752

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VND
	<i>Máy móc và thiết bị</i>
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	6.241.674.374
Thuê trong kỳ	<u>11.408.878.735</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>17.650.553.109</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	(192.380.375)
Khấu hao trong kỳ	<u>(1.086.368.638)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>(1.278.749.013)</u>
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>6.049.293.999</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>16.371.804.096</u>

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>9.665.060.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	(5.991.013.219)
Hao mòn trong kỳ	<u>(599.101.322)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>(6.590.114.541)</u>
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>3.674.046.781</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>3.074.945.459</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Trường Cao đẳng nghề Licogi	72.901.822.580	72.667.017.125
Trạm trộn bê tông Speco 2	-	22.393.975.000
Khác	-	93.000.000
TỔNG CỘNG	<u>72.901.822.580</u>	<u>95.153.992.125</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 14.1</i>)	405.107.791.911	395.131.861.427
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 14.2</i>)	379.248.674.660	199.248.674.660
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 14.3</i>)	473.147.030.000	472.447.030.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	24.659.519.500	24.659.519.500
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	<u>(123.508.733.758)</u>	<u>(123.508.733.758)</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.158.654.282.313</u>	<u>967.978.351.829</u>

(*) Các khoản tiền gửi dài hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc hơn mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 7,1%/năm.

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết về khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
			Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16	Đang hoạt động	Cung cấp dịch vụ xây dựng	142.500.000.000	95	142.500.000.000	95
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Điện Phước (*)	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển khu dân cư	101.728.911.911	95	91.752.981.427	95
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển khu dân cư	85.878.880.000	80	85.878.880.000	80
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện ích Licogi 16	Đang hoạt động	Cung cấp dịch vụ tiện ích	75.000.000.000	75	75.000.000.000	75
TỔNG CỘNG			405.107.791.911		395.131.861.427	

(*) Từ ngày 16 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty tiếp tục góp vốn vào Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Điện Phước trị giá 9.975.930.484 VND theo các thông báo góp vốn trong kỳ.

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết về khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
			Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị (*)	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển hạ tầng	180.000.000.000	30	-	-
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Đang hoạt động	Sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học bio-ethanol, bio-diesel	123.508.733.758	22	123.508.733.758	22
Công ty Cổ phần Licogi 166	Đang hoạt động	Cung cấp dịch vụ xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng	40.894.891.811	46,42	40.894.891.811	46,42
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Đang hoạt động	Thi công lắp đặt các hệ thống điện	21.390.000.000	34,5	21.390.000.000	34,5
Công ty Cổ phần Licogi 16 M&C	Đang hoạt động	Gia công và chế tạo sản phẩm cơ khí xây dựng	12.000.000.000	46,15	12.000.000.000	46,15
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Đang hoạt động	Tư vấn thiết kế và giám sát xây dựng	1.455.049.091	36,36	1.455.049.091	36,36
TỔNG CỘNG			379.248.674.660		199.248.674.660	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(123.508.733.758)		(123.508.733.758)	
GIÁ TRỊ THUẬN			255.739.940.902		75.739.940.902	

(*) Từ ngày 27 tháng 4 năm 2018 đến ngày 29 tháng 6 năm 2018, Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị trị giá 180.000.000.000 VND theo Nghị quyết Số 35/QĐ-LICOGI16-HĐQT ngày 28 tháng 12 năm 2017.

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết về khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
			Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển hạ tầng	378.447.030.000	19,5	378.447.030.000	19,5
Công ty Cổ phần BOT 38	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển hạ tầng	47.500.000.000	19	47.500.000.000	19
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh (*)	Đang hoạt động	Khai thác và xử lý nước	47.200.000.000	11	46.500.000.000	15
TỔNG CỘNG			473.147.030.000		472.447.030.000	

(*) Vào ngày 1 tháng 5 năm 2018, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 9% cổ phần trong Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh cho nhà đầu tư khác với tổng giá trị chuyển nhượng là 51.756.000.000 VND theo Nghị quyết Số 35/QĐ-LICOGI16-HĐQT ngày 28 tháng 12 năm 2017, qua đó, làm giảm tỷ lệ sở hữu trong công ty này còn 6%.

Trong kỳ, Công ty đã nhận chuyển nhượng 5% cổ phần trong Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh từ nhà đầu tư khác với tổng giá trị chuyển nhượng là 28.600.000.000 VND, qua đó, làm tăng tỷ lệ sở hữu trong công ty này thành 11%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải trả người bán khác	437.818.890.819	425.157.479.676
- Jindal Saw Gulf LLC	108.349.296.040	-
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Vĩnh Phú	24.616.000.000	33.087.400.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thép Nhân Luật	-	43.477.777.926
- Khác	304.853.594.779	348.592.301.750
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 27)	49.622.826.878	104.641.278.511
TỔNG CỘNG	<u>487.441.717.697</u>	<u>529.798.758.187</u>

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Người mua trả tiền trước	238.733.049.292	101.903.186.903
- Công ty Cổ phần Licogi 13	43.102.408.029	23.982.852.063
- Công ty Cổ phần BOT Biên Cương	-	19.507.494.726
- Khác	195.630.641.263	58.412.840.114
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 27)	693.767.510.727	784.451.693.314
TỔNG CỘNG	<u>932.500.560.019</u>	<u>886.354.880.217</u>

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
Thuế giá trị gia tăng	11.905.591	-	(11.905.591)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.254.896.395	1.607.184.423	(10.100.440.631)	2.761.640.187
Thuế thu nhập cá nhân	1.937.031.410	2.512.372.689	(3.835.538.654)	613.865.445
Khác	4.318.722	4.000.000	(4.079.834)	4.238.888
TỔNG CỘNG	<u>13.208.152.118</u>	<u>4.123.557.112</u>	<u>(13.951.964.710)</u>	<u>3.379.744.520</u>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí hoàn thành dự án các công trình xây dựng	73.927.017.893	107.192.337.368
Lương tháng 13	6.473.943.686	3.421.190.770
Lãi vay	1.944.014.057	1.623.967.556
Khác	250.000.000	245.454.545
TỔNG CỘNG	<u>82.594.975.636</u>	<u>112.482.950.239</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn	105.761.626.353	246.112.946.121
Phạt thuế	54.631.759.193	56.662.873.850
Phải trả khoản đầu tư	23.600.000.000	20.000.000.000
Nhận tạm ứng	20.915.081.589	26.046.035.123
Lãi vay	3.760.234.191	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	683.111.424	527.142.929
Vốn góp của cổ đông	-	140.500.000.000
Khác	2.171.439.956	2.376.894.219
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	11.365.443.351	11.365.443.351
TỔNG CỘNG	117.127.069.704	257.478.389.472
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên khác</i>	102.066.835.513	246.178.389.472
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	15.060.234.191	11.300.000.000

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn	702.768.203.402	466.446.320.841
Vay ngân hàng (<i>Thuyết minh số 20.1</i>)	455.937.354.064	274.735.555.731
Vay bên liên quan (<i>Thuyết minh số 20.3</i>)	95.248.392.000	149.468.392.000
Vay từ bên khác (<i>Thuyết minh số 20.4</i>)	89.130.000.000	-
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 20.2</i>)	53.168.515.419	26.073.005.341
Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 20.3</i>)	5.520.471.271	14.830.471.271
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 20.5</i>)	3.763.470.648	1.338.896.498
Dài hạn	131.834.840.295	115.576.091.869
Vay ngân hàng (<i>Thuyết minh số 20.2</i>)	121.527.684.501	111.670.977.082
Nợ thuê tài chính (<i>Thuyết minh số 20.5</i>)	10.307.155.794	3.905.114.787
TỔNG CỘNG	834.603.043.697	582.022.412.710

Chi tiết tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính được trình bày như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ngày 1 tháng 1	582.022.412.710	313.520.756.289
Vay trong kỳ	713.382.032.607	429.913.676.483
Thuê tài chính trong kỳ	11.408.878.735	-
Trả nợ vay trong kỳ	(469.628.016.777)	(270.415.429.985)
Trả nợ thuê tài chính trong kỳ	(2.582.263.578)	-
Ngày 30 tháng 6	834.603.043.697	473.019.002.787

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng

Ngân hàng
Ngày 30 tháng 6
năm 2018
(VND)

Kỳ hạn trả gốc
Mục đích vay
Lãi suất
(%/năm)

Hình thức đảm bảo

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn

Khoản vay 1	176.770.399.656	Từ ngày 7 tháng 9 năm 2018 đến ngày 29 tháng 12 năm 2018	Tài trợ vốn lưu động	8,3	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha; Quyền sử dụng đất tại Phường Lộc Phát, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng thuộc dự án Khu dân cư Bảo Lộc
-------------	-----------------	--	----------------------	-----	---

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Khoản vay 1	107.496.865.062	Từ ngày 11 tháng 7 năm 2018 đến ngày 20 tháng 4 năm 2019	Tài trợ vốn lưu động	8,1 ~ 8,9	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc một phần dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha và một phần dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha
-------------	-----------------	--	----------------------	-----------	---

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ

Khoản vay 1	95.808.009.372	Từ ngày 10 tháng 2 năm 2019 đến ngày 28 tháng 2 năm 2019	Tài trợ vốn lưu động	7,0 ~ 7,2	Các hợp đồng kinh tế Công ty đã ký trong Hợp đồng thế chấp quyền tài sản Số 374/HĐTCQTS/NHCT240-LICOGI16 và Số 433/HĐTCQTS/NHCT240-LICOGI16
-------------	----------------	--	----------------------	-----------	---

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1

Khoản vay 1	50.000.000.000	Ngày 28 tháng 9 năm 2018	Tài trợ vốn lưu động	6,4	Khoản tiền gửi trị giá 50.000.000.000 VND của Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị
-------------	----------------	--------------------------	----------------------	-----	---

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Khoản vay 1	25.862.079.974	Từ ngày 8 tháng 8 năm 2018 đến ngày 28 tháng 8 năm 2018	Tài trợ vốn lưu động	7,5	Các hợp đồng kinh tế Công ty đã ký trong Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 17.3600327/HĐTCQTS/NHCT900-Licogi
-------------	----------------	---	----------------------	-----	---

TỔNG CỘNG 455.937.354.064

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					
Khoản vay 1	96.480.868.167	Từ ngày 26 tháng 10 năm 2018 đến ngày 26 tháng 10 năm 2021	Đầu tư máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải	7 ~ 9,3	Tài sản hình thành từ vốn vay
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	28.300.362.332				
Khoản vay 2	622.222.221	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2018 đến ngày 26 tháng 10 năm 2020	Mua phương tiện vận tải	6,8 ~ 10,7	Tài sản hình thành từ vốn vay
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	266.666.666				
Khoản vay 3	491.516.665	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2018 đến ngày 26 tháng 4 năm 2020	Mua phương tiện vận tải	6,8 ~ 10,2	Tài sản hình thành từ vốn vay
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	268.099.999				
Khoản vay 4	352.777.779	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2018 đến ngày 26 tháng 7 năm 2020	Mua phương tiện vận tải	6,8 ~ 10,2	Tài sản hình thành từ vốn vay
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	169.333.334				

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn					
Khoản vay 1	76.228.249.088	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2018 đến ngày 4 tháng 2 năm 2021	Mua sắm tài sản cố định	10,9	Tài sản hình thành từ vốn vay
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	24.028.249.088				
Khoản vay 2	520.566.000	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2018 đến ngày 26 tháng 4 năm 2022	Mua sắm tài sản cố định	11,5	Tài sản hình thành từ vốn vay
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	135.804.000				
TỔNG CỘNG	174.696.199.920				
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả Vay dài hạn	53.168.515.419 121.527.684.501				

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.3 Các khoản vay từ bên liên quan

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Vay ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16					
Khoản vay 1	42.948.392.000	Không kỳ hạn	Tài trợ vốn lưu động	6,5	Tín chấp
Khoản vay 2	15.900.000.000	Không kỳ hạn	Tài trợ vốn lưu động	6,5	Tín chấp
Khoản vay 3	10.000.000.000	Ngày 19 tháng 12 năm 2018	Tài trợ vốn lưu động	6,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện ích Licogi 16					
Khoản vay 1	16.400.000.000	Ngày 20 tháng 12 năm 2018	Tài trợ vốn lưu động	6,5	Tín chấp
Khoản vay 2	10.000.000.000	Ngày 11 tháng 3 năm 2019	Tài trợ vốn lưu động	6,5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	95.248.392.000				
Vay dài hạn					
Công ty Cổ phần BOT 38					
Khoản vay 1	5.520.471.271	Ngày kết thúc giai đoạn đầu tư dự án	Tài trợ công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A	Không lãi suất	Tín chấp
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả	5.520.471.271				

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.4 Khoản vay ngắn hạn từ bên khác

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Quốc tế Ông Nguyễn Văn Khánh	86.130.000.000	Ngày 21 tháng 3 năm 2019	Tài trợ vốn lưu động	1	Tín chấp
Bà Nguyễn Thị Quế	1.200.000.000	Ngày kết thúc dự án Bệnh viện II Lâm Đồng	Tài trợ vốn lưu động	Không lãi suất	Tín chấp
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng ACC	1.100.000.000	Ngày kết thúc dự án Bệnh viện II Lâm Đồng	Tài trợ vốn lưu động	Không lãi suất	Tín chấp
Bà Võ Thị Độ	500.000.000	Ngày kết thúc dự án Bệnh viện II Lâm Đồng	Tài trợ vốn lưu động	Không lãi suất	Tín chấp
	200.000.000	Ngày kết thúc dự án Bệnh viện II Lâm Đồng	Tài trợ vốn lưu động	Không lãi suất	Tín chấp
TỔNG CỘNG	89.130.000.000				

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.5 Nợ thuế tài chính

Công ty hiện đang thuế thiết bị theo hợp đồng thuế tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc
Nợ thuế tài chính ngắn hạn	4.743.379.008	979.908.360	1.748.509.694	409.613.196	1.338.896.498
Từ 1 năm trở xuống	4.743.379.008	979.908.360	1.748.509.694	409.613.196	1.338.896.498
Nợ thuế tài chính dài hạn	11.471.375.160	1.164.219.366	4.374.545.369	469.430.582	3.905.114.787
Từ 1 đến 5 năm	11.471.375.160	1.164.219.366	4.374.545.369	469.430.582	3.905.114.787
TỔNG CỘNG	16.214.754.168	2.144.127.726	6.123.055.063	879.043.778	5.244.011.285

VND

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	762.499.560.000	93.686.613.494	(3.390.000)	119.204.302.363	101.177.006.797	1.076.564.092.654
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	3.018.787.571	3.018.787.571
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	762.499.560.000	93.686.613.494	(3.390.000)	119.204.302.363	104.195.794.368	1.079.582.880.225
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	780.000.000.000	93.686.603.494	(3.380.000)	119.204.302.363	79.083.133.447	1.071.970.659.304
Tăng vốn cổ phần (*)	220.000.000.000	-	-	-	-	220.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	37.830.194.267	37.830.194.267
Thưởng Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(780.612.184)	(780.612.184)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.903.060.919)	(3.903.060.919)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	1.000.000.000.000	93.686.603.494	(3.380.000)	119.204.302.363	112.229.654.611	1.325.117.180.468

(*) Vào ngày 30 tháng 1 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ 22.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị 220.000.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017. Việc tăng vốn này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận thông qua việc ban hành GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 18 ngày 20 tháng 3 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	780.000.000.000	762.499.560.000
Tăng vốn trong kỳ	<u>220.000.000.000</u>	<u>-</u>
Số cuối kỳ	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>762.499.560.000</u>

21.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	100.000.000	78.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	100.000.000	78.000.000
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(338)	(338)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	99.999.662	77.999.662

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Doanh thu dịch vụ xây dựng	657.652.776.666	208.769.288.041
Doanh thu bán hàng	40.925.238.767	687.659.590
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	<u>9.412.038.847</u>	<u>63.272.728</u>
TỔNG CỘNG	<u>707.990.054.280</u>	<u>209.520.220.359</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	23.856.000.000	6.500.000.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.617.914.758	4.343.508.010
Cổ tức	1.069.500.000	1.287.681.818
Khác	13.900.000	-
TỔNG CỘNG	<u>30.557.314.758</u>	<u>12.131.189.828</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Giá vốn dịch vụ xây dựng	595.805.636.622	182.621.230.529
Giá vốn hàng bán	40.045.899.479	700.511.607
Giá vốn dịch vụ khác	8.420.220.583	-
TỔNG CỘNG	<u>644.271.756.684</u>	<u>183.321.742.136</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí lãi vay	24.994.942.066	16.839.531.734
Lỗ từ chuyển nhượng khoản đầu tư	-	4.950.000.000
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	(5.101.927.287)
Khác	1.092.063.329	311.334.588
TỔNG CỘNG	<u>26.087.005.395</u>	<u>16.998.939.035</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí lương	16.273.008.491	10.636.682.541
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.668.270.803	1.498.404.613
Chi phí khấu hao và hao mòn	936.233.412	801.019.093
Chi phí khác	11.700.728.484	2.635.831.996
TỔNG CỘNG	<u>30.578.241.190</u>	<u>15.571.938.243</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.607.184.423	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
TỔNG CỘNG	<u>1.607.184.423</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39.437.378.690	3.018.787.571
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng	7.887.475.738	603.757.514
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	1.751.929.173	106.046.046
Thay đổi dự phòng phải thu khó đòi	762.569.810	(342.461.196)
Thay đổi chi phí phải trả ngắn hạn	3.285.201	(899.137.812)
Lỗi tính thuế	-	2.034.549.155
Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(990.000.000)
Chênh lệch chi phí khấu hao	(102.971.913)	(235.272.093)
Thay đổi trợ cấp thôi việc phải trả	(137.769.900)	(19.945.250)
Cổ tức nhận được	(213.900.000)	(257.536.364)
Lỗi năm trước chuyển sang	(8.343.433.686)	-
Chi phí thuế TNDN	1.607.184.423	-

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

26.3 Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục chênh lệch tạm thời sau do tính không chắc chắn của việc sử dụng bằng thu nhập chịu thuế trong tương lai:

	VND
Các chênh lệch tạm thời	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	31.193.927.265
Chênh lệch chi phí khấu hao	4.597.508.838
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.263.656.379
Trợ cấp thôi việc phải trả	1.493.251.500
TỔNG CỘNG	38.548.343.982

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	216.581.316.071	-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên kết	Góp vốn	180.000.000.000	-
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	100.722.735.083	116.172.000.000
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Nhận tạm ứng	-	116.990.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Nhận tạm ứng	37.708.246.202	33.000.000.000
		Nhận cung cấp dịch vụ xây dựng	11.865.495.916	46.235.650.875
		Bán nguyên vật liệu	23.879.366.807	-
		Mua nguyên vật liệu	12.001.471.600	-
		Cho vay	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Licogi 16	Công ty con	Vay	10.000.000.000	88.500.000.000
		Cho thuê thiết bị	8.890.000.000	-
		Chi phí lãi vay	2.534.636.931	-
		Góp vốn	-	89.000.000.000

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện ích Licogi 16	Công ty con	Vay Chi phí lãi vay	10.000.000.000 1.225.597.260	- -
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Điện Phước	Công ty con	Góp vốn	9.975.930.484	953.735.050
Công ty Cổ phần BOT 38	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	7.131.072.489
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty con	Phí dịch vụ Lãi cho vay	3.411.751.577 -	- 2.870.561.230
Bà Đinh Thị Hiền	Thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT")	Vay	-	650.000.000

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
VND				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	129.380.893.876	97.420.302.557
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	107.506.305.092	80.120.403.597
Công ty Cổ phần BOT 38	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	28.293.236.718	28.293.236.718
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ xây dựng	26.267.303.488	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty con	Cung cấp dịch vụ xây dựng	26.070.497.634	212.194.576
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16	Công ty con	Cho thuê thiết bị Cho thuê văn phòng	8.890.000.000 212.727.273	-
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Bán nguyên liệu và phí bảo lãnh	2.972.275.296	-
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Công ty liên kết	Cho thuê	1.321.425.440	1.321.425.440
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện ích Licogi 16	Công ty con	Cho thuê	112.610.000	-
Ông Tăng Quốc Thuộc	Tổng Giám đốc ("TGD")	Bán đất nền	74.387.520	520.712.640
Ông Lê Vũ Nam	Thành viên HĐQT	Bán đất nền	53.303.856	453.082.776
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên Ban TGĐ	Doanh thu bán đất nền	-	539.066.640
TỔNG CỘNG			331.154.966.193	208.880.424.944

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
VND				
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16	Công ty con	Mua dịch vụ xây dựng	41.845.725.000	41.845.725.000
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Mua dịch vụ xây dựng	36.513.608.888	12.305.362.686
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Mua dịch vụ xây dựng	3.700.000.000	3.700.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 16 M&C	Công ty liên kết	Mua dịch vụ xây dựng	3.151.128.862	3.151.128.862
TỔNG CỘNG			85.210.462.750	61.002.216.548
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Licogi 16 M&C	Công ty liên kết	Tạm ứng	9.855.891.968	9.855.891.968
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Tạm ứng	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty con	Lãi cho vay	14.681.155	997.798.444
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên Ban TGD	Tạm ứng	-	1.313.720.413
Ông Phí Ngọc Anh	Thành viên Ban TGD	Tạm ứng	-	53.102.137
TỔNG CỘNG			11.870.573.123	14.220.512.962
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Mua dịch vụ xây dựng	28.941.341.404	29.180.108.189
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Mua dịch vụ xây dựng	17.667.973.023	73.486.692.109
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16	Công ty con	Mua dịch vụ tư vấn	1.440.000.000	1.440.000.000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty con	Mua dịch vụ khác	1.038.034.238	-
Công ty Cổ phần Licogi 16 M&C	Công ty liên kết	Mua dịch vụ xây dựng	534.478.213	534.478.213
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Công ty liên kết	Mua dịch vụ khác	1.000.000	-
TỔNG CỘNG			49.622.826.878	104.641.278.511

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	551.500.744.454	687.809.150.099
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty con	Bán đất nền	61.262.005.722	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16	Công ty con	Dịch vụ cho thuê	46.461.000.000	46.461.000.000
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	33.368.135.551	47.731.108.800
Ông Tăng Quốc Thuộc	TGD	Bán đất nền	689.700.000	471.900.000
Ông Hoàng Minh Khai	Thành viên Ban TGD	Bán đất nền	485.925.000	645.863.790
Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch HĐQT	Bán đất nền	-	667.720.625
Ông Phí Ngọc Anh	Thành viên Ban TGD	Bán đất nền	-	664.950.000
TỔNG CỘNG			693.767.510.727	784.451.693.314
Phải trả khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16	Công ty con	Ký quỹ dài hạn	11.300.000.000	11.300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiên Ich Licogi 16	Công ty con	Chi phí lãi vay phải trả	2.534.636.931	-
TỔNG CỘNG			15.060.234.191	11.300.000.000
Vay				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16	Công ty con	Vay	68.848.392.000	103.968.392.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiên Ich Licogi 16	Công ty con	Vay	26.400.000.000	45.500.000.000
Công ty Cổ phần BOT 38	Bên liên quan	Vay	5.520.471.271	14.830.471.271
TỔNG CỘNG			100.768.863.271	164.298.863.271

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Lương và thưởng	<u>4.814.251.116</u>	<u>3.227.206.516</u>

28. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Đến 1 năm	2.134.514.182	1.554.139.200
Trên 1 đến 5 năm	<u>1.464.336.382</u>	<u>2.930.592.888</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.598.850.564</u>	<u>4.484.732.088</u>

29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 5 tháng 5 năm 2018, Công ty đã thông qua việc triển khai chi trả cổ tức 2017 bằng tiền với tỷ lệ thực hiện là 7%/cổ phiếu theo Nghị quyết số 25/2018/NQ-LICOGI16-HĐQT ngày 14 tháng 8 năm 2018.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

			
Đỗ Văn Hường Người lập	Nguyễn Văn Việt Kế toán trưởng	Đinh Thị Hiền Giám đốc Tài chính	Tăng Quốc Thuộc Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 8 năm 2018